Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Chương: 17

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**416.465,0**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**416.465,0**
1	Lệ phí	25.740,0
2	Phí	390.725,0
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**161.433,0**
1	**Chi quản lý hành chính**	**133.246,0**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	133.246,0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**28.187,0**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	28.187,0
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**204.728,0**
1	Lệ phí	25.740,0
2	Phí	178.988,0
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**2.128.584,0**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**2.118.064,0**
1	**Chi quản lý hành chính**	**119.785,0**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	113.292,0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.493,0
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**1.978.489,0**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.520.964,0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	*1.653.796,0*
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	*88.698,0*
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	*9.155,0*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	248.461,0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	209.064,0
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**5.420,0**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.420,0
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**1.000,0**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.000,0
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**12.770,0**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.770,0
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**600,0**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600,0
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**10.520,0**
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**10.520,0**
1.1	Dự án VIE7006 "Ứng dụng tổ hợp các kỹ thuật đồng vị trong nghiên cứu dòng chảy và các quá trình sinh địa hóa trên sông Hồng"	2.713,0
1.2	Dự án VIE1010 "Thúc đẩy chương trình phát triển an toàn lò phản ứng - Pha III: Nâng cao năng lực quốc gia về phân tích an toàn và đánh giá rủi ro"	2.203,0
1.3	Thiết lập mạng quan trắc cảnh báo sớm bức xạ & kênh trao đổi dữ liệu khu vực ASEAN (EU-ASEANTOM)	5.604,0